

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN VĂN BẢN
TỈNH LÀO CAI

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 39/2024/HNGĐ-ST
Ngày 05-9-2024
V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con
khi ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĂN BẢN - TỈNH LÀO CAI

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hoàng Liên.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Bà Hà Thị Hằng
- Ông Lê Duy Bình.

Thư ký phiên tòa: Ông Nông Ngọc Giang - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Văn Bản, tỉnh Lào Cai.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Văn Bản, tỉnh Lào Cai tham gia phiên tòa: Bà Nông Thị Mới – Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 9 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Văn Bản, tỉnh Lào Cai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 88/2024/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 7 năm 2024 về “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 40/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 21 tháng 8 năm 2024 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị **Hà Thị H** - Sinh năm: 1987.

Địa chỉ: **Thôn É, xã K, huyện V, tỉnh Lào Cai** - Có mặt.

2. Bị đơn: Anh **Lương Văn T** - Sinh năm: 1984.

Địa chỉ: **Thôn É, xã K, huyện V, tỉnh Lào Cai** - Có mặt.

Người phiên dịch cho bị đơn: Bà **Hoàng Thị B** – Sinh năm: 1963.

Địa chỉ: **Thôn É, xã K, huyện V, tỉnh Lào Cai** – Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện nộp tại Tòa án ngày 23/7/2024 và bản tự khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, chị **Hà Thị H** trình bày:

Chị và anh **Lương Văn T** chung sống như vợ chồng từ năm 2006, đến ngày 10/01/2007 thì anh chị làm thủ tục đăng ký kết hôn tại **UBND xã K, huyện V, tỉnh Lào Cai**. Quá trình chung sống đến khoảng năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, kinh tế gia đình khó khăn, anh **T** không quan tâm đến gia đình, khi uống rượu say lại mắng chửi dẫn đến vợ chồng xô xát. Do mâu thuẫn trầm trọng nên năm 2022 chị về nhà bố mẹ đẻ sinh sống và vợ chồng sống ly thân, không quan tâm đến nhau, chị xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, đề nghị Tòa án giải quyết cho anh chị ly hôn.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 26/7/2024 trong quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa, anh **Lương Văn T** trình bày: Anh và chị **Lương Thị H1** chung sống như vợ chồng từ năm 2006, đến ngày 10/01/2007 thì anh chị làm thủ tục đăng ký kết hôn tại **UBND xã K, huyện V, tỉnh Lào Cai**. Quá trình chung sống đến khoảng năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do hoàn cảnh kinh tế gia đình khó khăn, vợ chồng có xảy ra cãi vã. Khoảng năm 2018, chị **H1** đi làm ở Hải Phòng, anh nghe nhiều người nói về việc chị **H1** có quan hệ tình cảm với người khác, mặc dù chưa có bằng chứng cụ thể, tuy nhiên vợ chồng xảy ra cãi nhau. Sau đó chị **H1** đi làm cả năm không về nhà, không quan tâm gì đến gia đình. Chị **H1** thường xuyên đi làm, đến tết mới về nhà, vợ chồng rất ít gặp nhau. Tuy nhiên anh mong muốn chị **H1** quay về nhà sinh sống để vợ chồng khắc phục mâu thuẫn, đoàn tụ gia đình, anh không nhất trí ly hôn. Trường hợp chị **Hà Thị H** kiên quyết xin ly hôn thì anh đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Về con chung: Chị **H** và anh **T** đều trình bày, anh chị có hai con chung là cháu **Lương Đức H2** - Sinh ngày: 04/12/2006 và **Lương Hà L** - Sinh ngày: 22/10/2012, hiện tại hai cháu phát triển bình thường. Quá trình giải quyết vụ án, chị **H** có nguyện vọng nuôi dưỡng cháu **L** để anh **T** nuôi dưỡng cháu **H2**, chị không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con; **Anh T1** có ý kiến, trong trường hợp Tòa án giải quyết cho ly hôn thì anh nuôi dưỡng cháu **H2** để chị **H** nuôi dưỡng cháu **L**, tuy nhiên tại phiên tòa anh **T1** thay đổi ý kiến, anh có nguyện vọng nuôi dưỡng hai con chung, anh không yêu cầu cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Về tài sản chung và công nợ chung: Chị **H** và anh **T1** đều không yêu cầu giải quyết, anh chị cũng không nợ ai và không cho ai vay nợ nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Văn Bàn phát biểu ý kiến trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến phiên tòa hôm nay: Thẩm phán, Hội đồng xét xử đều thực hiện đúng các quy định của pháp luật: về thủ tục Tố tụng dân sự, xác định đúng quan hệ pháp luật, đúng tư cách người tham gia tố tụng, thu thập chứng cứ và giải quyết trong thời hạn luật định.

Nguyên đơn, bị đơn chấp hành tốt các quy định của pháp luật khi tham gia tố tụng. Các đương sự đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng và đều có văn bản trình bày ý kiến, chị **H** có nguyện vọng xin ly hôn, anh **T1** không đồng ý ly hôn, mong muốn đoàn tụ gia đình, trường hợp chị **H** kiên quyết xin ly hôn thì đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định. Về con chung: Chị **H** có nguyện vọng nuôi dưỡng con chung là cháu **Lương Hà L** để anh **T1** nuôi dưỡng cháu **Lương Đức H2**. **Anh T1** cũng có ý kiến, trường hợp Tòa án giải quyết cho anh chị ly hôn thì anh cũng nhất trí với ý kiến chị **H** về việc nuôi con chung. Tuy nhiên tại phiên tòa anh có nguyện vọng nuôi dưỡng cả hai con chung. Xét thấy, lời khai của đương sự tại phiên tòa, phù hợp với các tài liệu chứng cứ trong hồ sơ vụ án, xác định các đương sự có mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn do tính cách không hợp, bất đồng quan điểm, vợ chồng đã sống ly thân, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng Dân sự; Khoản 1 Điều 56, 57, Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy

ban thường vụ Quốc hội: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, xử cho chị **Hà Thị H** ly hôn với anh **Lương Văn T**.

Về con chung: Xét thấy các đương sự đều có nguyện vọng nuôi con chung và có mức thu nhập đảm bảo điều kiện nuôi con, vì vậy cần giao **Lương Đức H2** - Sinh ngày: 04/12/2006 cho anh **Lương Văn T** trực tiếp nuôi dưỡng, trông nom, chăm sóc, giáo dục cho đến khi cháu đủ 18 tuổi; Giao cháu **Lương Hà L** - Sinh ngày: 22/10/2012 cho chị **Hà Thị H** trực tiếp nuôi dưỡng, trông nom, chăm sóc, giáo dục cho đến khi cháu đủ 18 tuổi. Chị **H** và anh **T** đều không yêu cầu cấp dưỡng tiền nuôi con chung nên không xem xét giải quyết.

Về tài sản chung và công nợ chung: Các đương sự không yêu cầu giải quyết nên không xem xét giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho các đương sự theo quy định. Tòa án đã tiến hành mở phiên họp về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai các tài liệu, chứng cứ và hòa giải nhiều lần nhưng các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Chị **Hà Thị H** khởi kiện xin ly hôn với anh **Lương Văn T** và đề nghị Tòa án giải quyết việc nuôi dưỡng chăm sóc con chung khi ly hôn. Các đương sự đều có hộ khẩu thường trú tại **xã K, huyện V**. Vì vậy đây là tranh chấp thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Văn Bàn, tỉnh Lào Cai theo quy định tại Điều 28 và Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa chị **H** và anh **T** là hợp pháp. Quá trình chung sống, anh chị phát sinh mâu thuẫn do tính cách không hợp nhau, bất đồng quan điểm, không tìm được tiếng nói chung nên cuộc sống chung không hòa thuận, hạnh phúc. Anh chị đã sống ly thân từ năm 2022 đến nay không quan tâm đến nhau. Chị **H** đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn nhưng anh **T** không đồng ý vì mong muốn khắc phục mâu thuẫn, đoàn tụ gia đình, trường hợp chị **H** kiên quyết xin ly hôn thì đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định.

Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, anh chị đều xác nhận vợ chồng có mâu thuẫn, cuộc sống không hòa thuận, hạnh phúc và hiện đang sống ly thân, mục đích hôn nhân không đạt được, anh chị đều không có giải pháp nào để khắc phục mâu thuẫn. Vì vậy việc chị **H** đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn với anh **T** là có căn cứ, phù hợp với quy định tại Khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Chị **H** và anh **T** đều xác nhận, anh chị có hai con chung là cháu **Lương Đức H2** - Sinh ngày: 04/12/2006 và **Lương Hà L** - Sinh ngày: 22/10/2012. Quá trình giải quyết vụ án, chị **H** có nguyện vọng nuôi dưỡng cháu **L** để anh **T** nuôi dưỡng cháu **H2**, anh **T** cũng có ý kiến trong trường hợp Tòa án giải quyết ly hôn thì anh nhất trí ý kiến của chị **H**. Tuy nhiên tại phiên tòa anh có

nguyện vọng nuôi dưỡng hai con chung, không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung, chị **H** giữ nguyên quan điểm đã trình bày.

Xét thấy chị **H** và anh **T** đều có nguyện vọng nuôi dưỡng con chung, đều có mức thu nhập đảm bảo điều kiện nuôi dưỡng con chung. Vì vậy cần giao cháu **Lương Hà L** cho chị **H** trực tiếp nuôi dưỡng và giao cháu **Lương Đức H2** cho anh **T** trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với ý kiến của các cháu; phù hợp với quy định tại Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình. Do các đương sự đều không yêu cầu cấp dưỡng tiền nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[4] Về tài sản chung và công nợ chung: Chị **H** và anh **T** đều không yêu cầu giải quyết về tài sản chung, không nợ ai và không cho ai vay nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] Về án phí: Chị **Hà Thị H** phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng Dân sự; Khoản 1 Điều 56, 57, Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị **Hà Thị H** ly hôn với anh **Lương Văn T**.

Quan hệ hôn nhân giữa chị **Hà Thị H** và anh **Lương Văn T** chấm dứt kể từ ngày bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

2. Về con chung: Xử giao cháu **Lương Đức H2** - Sinh ngày: 04/12/2006 cho anh **Lương Văn T** trực tiếp nuôi dưỡng, trông nom, chăm sóc, giáo dục cho đến khi cháu đủ 18 tuổi.

Giao cháu **Lương Hà L** - Sinh ngày: 22/10/2012 cho chị **Hà Thị H** trực tiếp nuôi dưỡng, trông nom, chăm sóc, giáo dục cho đến khi cháu đủ 18 tuổi

Chị **H** và anh **T** đều không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung. Sau khi ly hôn, chị **H** và anh **T** đều có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị **Hà Thị H** phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số 0004109 ngày 25/7/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Văn Bàn, tỉnh Lào Cai. Chị **Hà Thị H** đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Án xử công khai sơ thẩm có mặt nguyên đơn, bị đơn. Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Lào Cai;
- VKSND huyện Văn Bàn (2);
- THADS huyện Văn Bàn;
- UBND xã Khánh Yên Trung
- Dương sự (02);
- Lưu HS, TA, VP .

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Hoàng Liên

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Hoàng Liên

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Lào Cai;
- VKSND huyện Văn Bàn (2);
- THADS huyện Văn Bàn;
- UBND xã Khánh Yên Trung
- Đương sự (02);
- Lưu HS, TA, VP .

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Hoàng Liên

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Hoàng Liên

